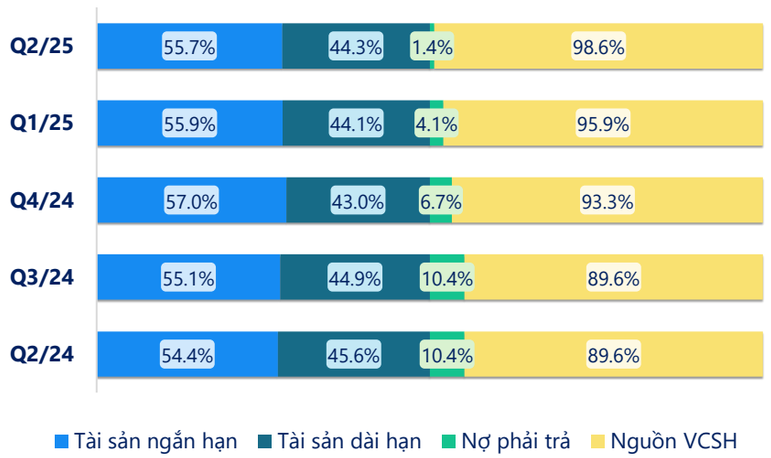
FireAnt

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,660
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,130
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,110
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
P/E	9.0
EPS	626

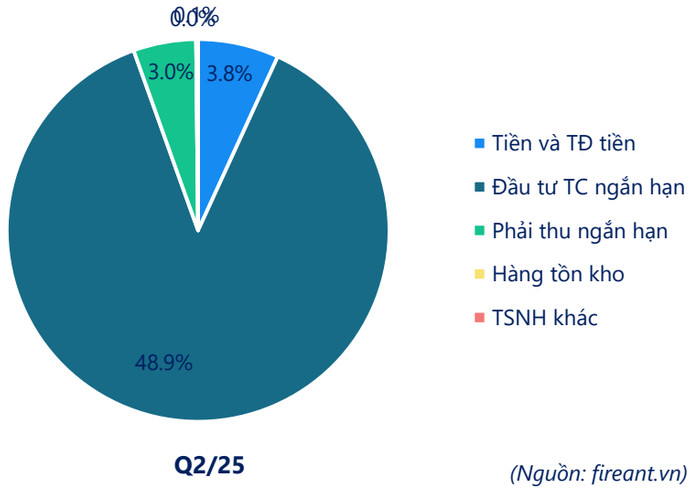
	YTD	1T	3T	6T
PTC	23.9%	-4.1%	-0.7%	25.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



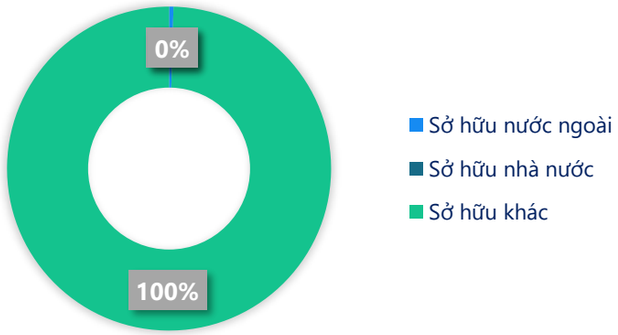
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



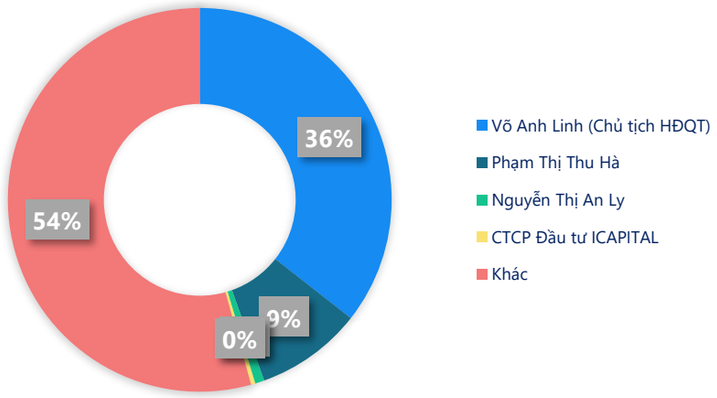
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



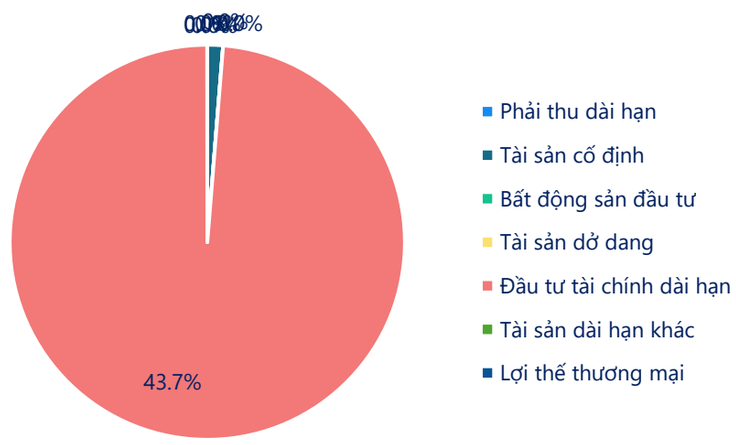
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

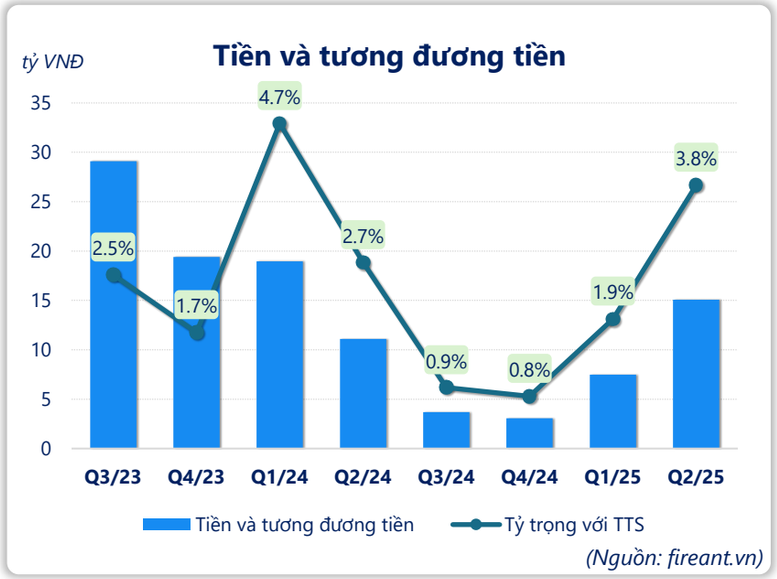
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



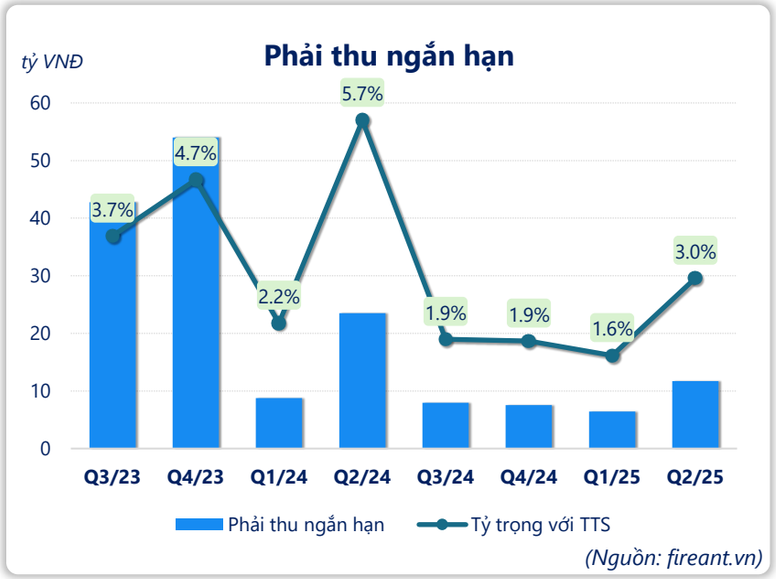
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

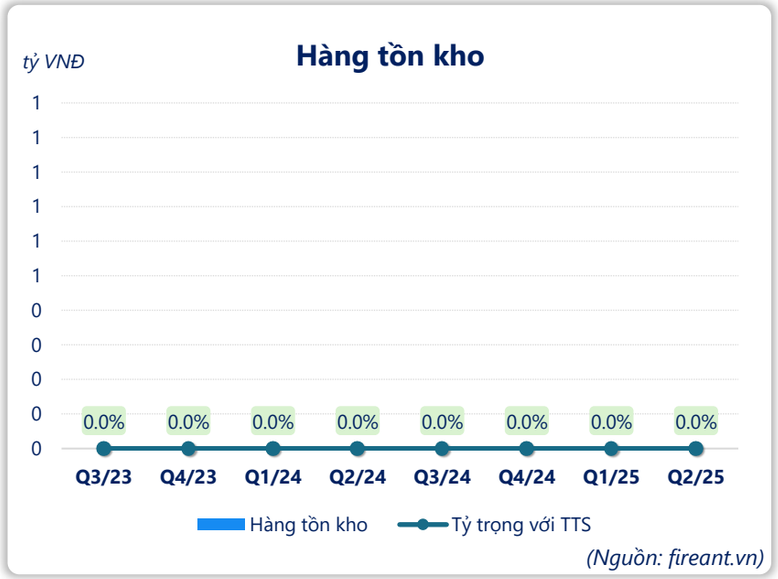
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)



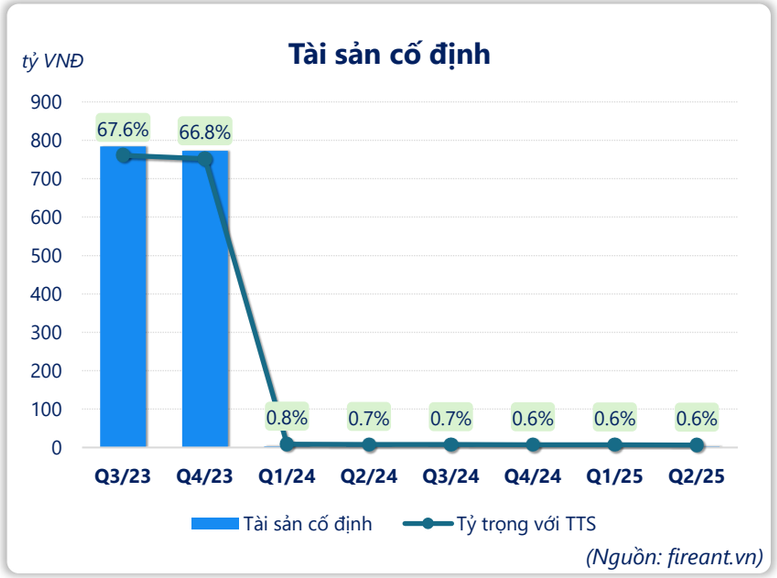
(Nguồn: fireant.vn)



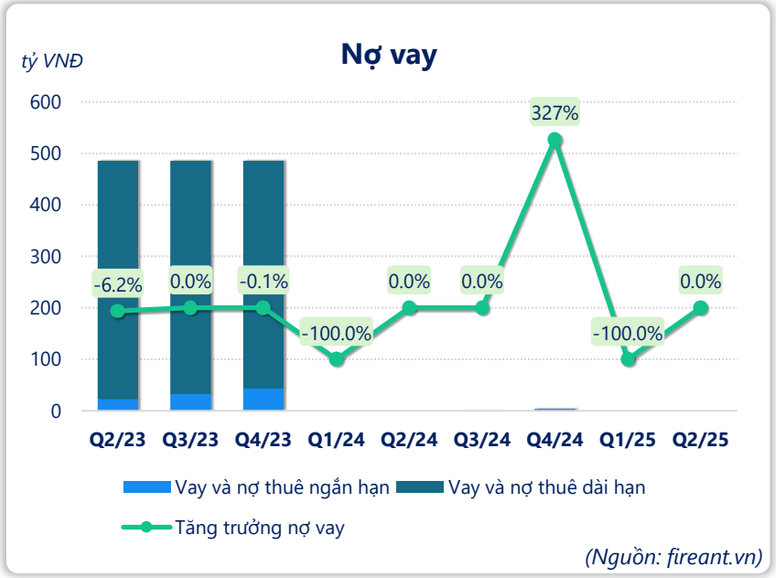
(Nguồn: fireant.vn)



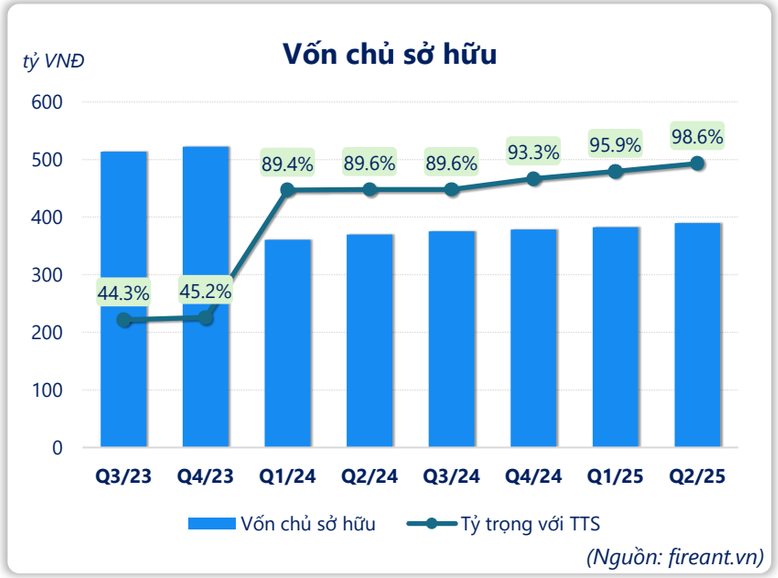
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

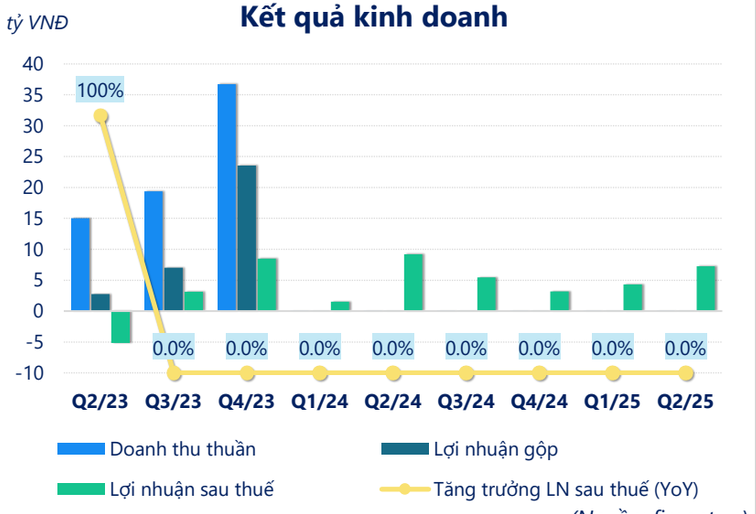


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

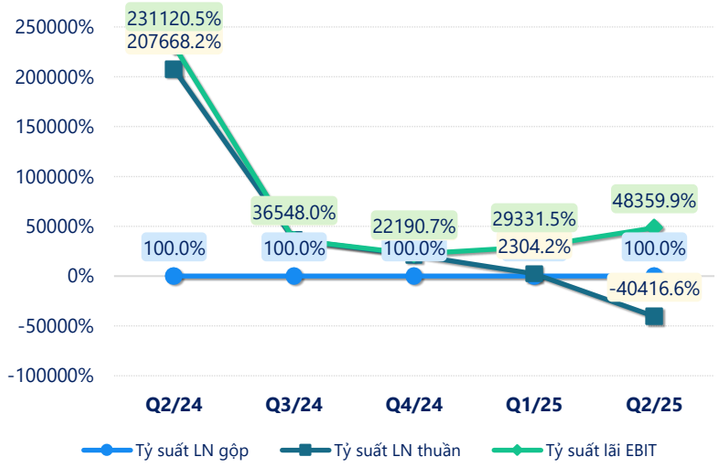
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Kết quả kinh doanh



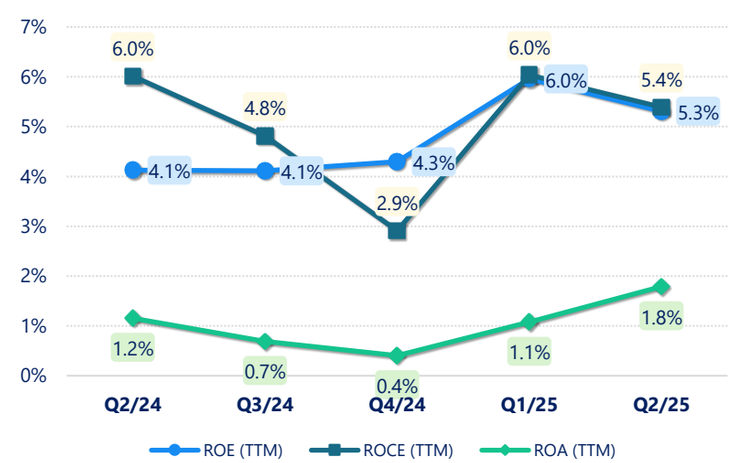
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



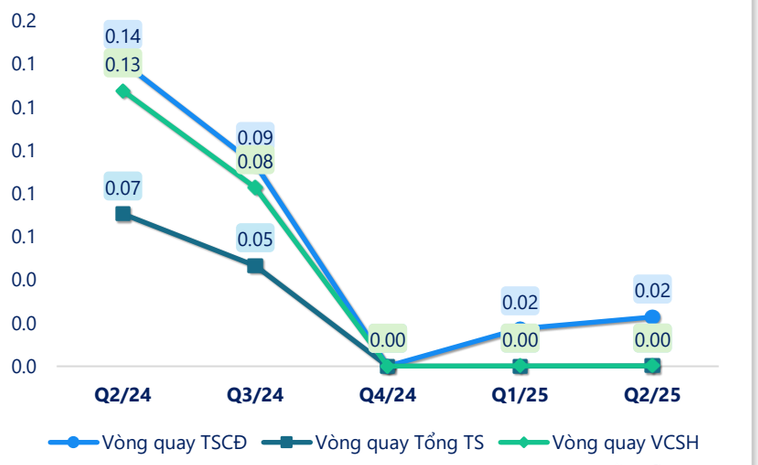
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



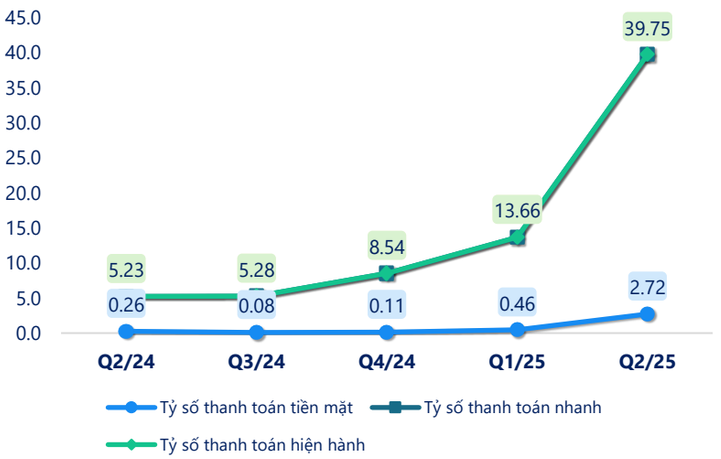
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



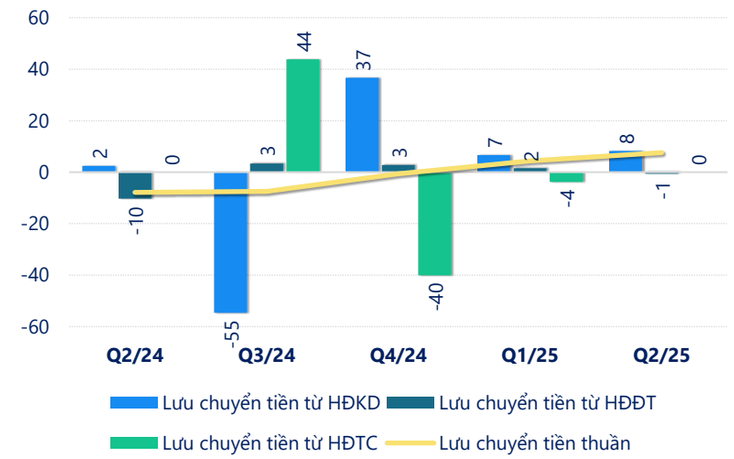
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**395**	**405**	**-2.5%**
Tài sản ngắn hạn	220	231	-4.6%
Tiền và tương đương tiền	15.1	3.07	391%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	193	220	-12.2%
Phải thu ngắn hạn	11.7	7.57	54.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.31	19.6%
Tài sản dài hạn	**175**	**174**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	2.24	2.63	-14.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	173	172	0.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-4.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.54	27.0	-79.5%
Nợ ngắn hạn	**5.54**	**27.0**	**-79.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.77	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.41	0.43	-3.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**390**	**378**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**390**	**378**	**3.1%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0.00	0.02	0.02	0.02	0.02
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0.00	0.02	0.02	0.02	0.02
Doanh thu HĐTC	13.5	7.39	3.36	12.4	14.8
Chi phí TC	4.11	0.63	-0.78	10.8	19.4
Chi phí lãi vay	0.01	0.03	0.17	0.08	0.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.12	1.31	1.00	1.21	1.44
LN thuần từ HĐKD	8.27	5.46	3.16	0.35	-6.06
Lợi nhuận khác	0.92	-0.01	0	3.97	13.3
LN trước thuế	9.19	5.45	3.16	4.32	7.23
Lợi nhuận sau thuế	9.19	5.45	3.16	4.32	7.23
LNST của CĐ cty mẹ	9.19	5.45	3.16	4.32	7.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.46	-54.6	36.7	6.64	8.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.3	3.35	2.75	1.54	-0.62
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	43.8	-40.1	-3.77	0
Tiền đầu kỳ	19.0	11.1	3.69	3.07	7.48
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.87**	**-7.40**	**-0.62**	**4.41**	**7.59**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.1	3.69	3.07	7.48	15.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic